TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 303/2018/QĐST-HNGĐ	*Kinh Môn, ngày 19 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 319/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Trương Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung là Trương Trần Công B, sinh ngày 22/7/2006 và Trương Trần Tố N, sinh ngày 02/01/2012. Hai bên thống nhất, chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Trần Tố N, anh C trực tiếp nuôi dưỡng

cháu Trương Trần Công B. Hai bên hàng tháng không phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Chị M và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0001802 ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn; Chị M được hoàn trả lại số tiền là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn *(UBND thi trấn P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương)*;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Phạm Anh Tuyết